

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án 244/2021/HSST
Ngày: 26/8/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Bạc Thị Liên

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Cà Văn Danh
2. Bà Nguyễn Thị Phương

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện VKSND huyện Đ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà: Ông Hoàng Đức Thái - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 26/8/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 244/2021/HSST ngày 03/8/2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 249/2021/QĐXXST-HS ngày 12/8/2021 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: Quàng Văn T. Tên gọi khác: Không. Sinh năm 1986; Giới tính: Nam. Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Bản C, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên: Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 4/12; Dân tộc: Thái. Quốc tịch: Việt Nam. Tôn giáo: Không; Bố đẻ: Quàng Văn M, sinh năm 1955. Mẹ đẻ: Lò Thị L, sinh năm: 1960. Bị cáo có vợ: Quàng Thị L, sinh năm 1992 đã ly hôn năm 2017, bị cáo có 01 con sinh năm 2011.

Tiền án; Tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị Tòa án xét xử. Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 17/4/2021, bị cáo có mặt tại phiên toà.

2. Người bị hại: Ông Lò Văn Đ, sinh năm 1975 và bà Lò Thị T, sinh năm 1980. Trú tại bản P, xã T, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên (có đơn xin xét xử mặt).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Quàng Văn M, sinh năm 1955. Trú tại bản Chiềng C, xã Thanh An, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. (có mặt)

Chị Quàng Thị D sinh năm 1980. Trú tại bản M 1, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 17/4/2021, Quảng Văn T, một mình điều khiển xe mô tô BKS 27B1- 39447 mang theo một thanh xà cây bằng kim loại màu đen, dài 68 cm, một chiếc mũ len đội đầu màu nâu sọc xanh đen có khoét hai lỗ, một đôi găng tay màu đen, một khẩu trang vải màu đen từ nhà ở bản C, xã T, huyện Đ mục đích đi tìm việc làm và thấy nhà nào sơ hở thì trộm cắp tài sản lấy tiền chi tiêu cá nhân. Khi T đi đến bản P, xã T, huyện Đ thấy nhà ông Lò Văn Đ, sinh năm 1975 không có ai ở nhà, cổng nhà khóa và có lắp camera nên đã nảy sinh ý định vào nhà ông Đ trộm cắp tài sản. T đã điều khiển xe đi qua cổng nhà ông Đ khoảng 100m để xe ở bụi cây ở bãi đất trống cuối bản rồi lấy mũ len, găng tay bỏ vào túi quần dài đang mặc, đeo khẩu trang, cầm thanh xà cây đi bộ đến sát tường bao nhà ông Đ. T đeo găng tay và đội mũ len trùm kín đầu và mặt, sau đó T bẻ hai đoạn cây ở gần đó và sử dụng thanh xà cây mang theo cắm vào các lỗ gạch trên tường bao để trèo vào trong nhà ông Đ rồi đi lên sân nhà bằng cầu thang phía bên. Thấy cửa nhà ông Đ khóa T đã dùng tay phải gạt mạnh, làm cửa nhà bung ra và đi vào trong nhà tìm tài sản, T nhìn thấy một chiếc két sắt ở gần giường ngủ của vợ chồng ông Đ, nên đã dùng thanh xà cây cậy phá cửa két, bên trong két có 03 tập tiền và 02 túi vải màu đỏ đựng nhiều vàng bạc ngoài ra còn có một số giấy tờ khác, T đã lấy tiền và hai túi vải đỏ đựng vàng bạc bỏ vào túi quần đang mặc. Sau đó T đi ra khỏi nhà khép cửa lại và trèo tường theo lối cũ ra ngoài đi đến chỗ để xe, T cho tiền, hai túi đựng vàng bạc, mũ cùng găng tay bỏ vào cốp xe rồi nhặt một túi nilon màu trắng để che biển số xe, điều khiển xe đi về nhà. Khoảng 11 giờ cùng ngày sau khi về đến nhà, T lấy thanh xà cây cất vào xà gỗ dưới gầm sân nhà rồi mở cốp xe lấy tiền và hai túi đựng vàng bạc đi lên nhà vào giường ngủ của T bỏ tiền và vàng bạc ra đếm được số tiền là 26.614.000 đồng; 05 đồng bạc tròn, 02 đồng xu kim loại màu trắng; 01 sợi dây đeo tay bằng vàng có nhiều mắt xích nối với nhau; 03 vòng tay bằng bạc (02 chiếc của người lớn, 01 chiếc của trẻ con); 01 dây xà tích gồm 04 dây bạc nối với nhau, một đầu gồm nhiều vật bằng bạc; 01 trâm cài tóc cán bằng nhôm, đầu trâm có hình bông hoa bằng vàng ở giữa có gắn một viên đá màu đỏ; 01 viên đá màu tím được gắn cố định với một mảnh bạc. Sau đó, T giấu số tiền trộm cắp được dưới lót giấy bên phải màu nâu của T để ở dưới gầm giường ngủ, 02 túi vải đựng vàng bạc T giấu sau khung ảnh của gia đình được treo sát tường giữa nhà. Khoảng 20 giờ cùng ngày, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ vào khám xét khẩn cấp thu giữ toàn bộ số tài sản trên, tạm giữ của T số tiền là 35.396.000 đồng.

Tại bản kết luận giám định số 4944/C09-P4 ngày 10/6/2021 của Viện khoa học hình sự bộ công an kết luận:

- 05 đồng xu hình tròn bằng kim loại màu trắng đường kính 3,7 cm đều là hợp kim của đồng (Cu), bạc (Ag), kẽm (Zn), niken (Ni);

- 02 đồng xu hình tròn bằng kim loại màu trắng đường kính 2,7 cm là hợp kim của sắt (76,13%); crom (11,45%); mangan (11,06%); đồng (0,72%); niken (0,64%);

- 01 sợi dây bằng kim loại màu vàng có khối lượng 15,99 gam là vàng, hàm lượng trung bình Au: 99,60%;

- 02 vòng đeo tay hình tròn bằng kim loại màu trắng là hợp kim của bạc và đồng có hàm lượng lần lượt là Ag (71,36%; 88,71%) và Cu (28,64%; 14,29%);

- 01 vòng đeo tay hình tròn hờ có khối lượng 4,68 gam là hợp kim bạc, hàm lượng 98,06%.

- 01 trâm cài đầu gồm phần thân là nhôm hàm lượng Al: 99,88%, phần kim loại màu vàng hình bông hoa là vàng hàm lượng 99,86%, viên đá màu đỏ là thủy tinh.

- 01 sợi dây xà tích gồm 04 sợi dây bằng kim loại màu trắng nối với nhau, đầu các sợi dây có gắn các quả kim loại màu trắng là hợp kim của bạc, hàm lượng trung bình Ag (96,70%) và đồng có hàm lượng trung bình Cu (3,30%).

- 01 viên màu tím là Amethyst tự nhiên (đá thạch anh) được bao quanh bên ngoài là bạc hàm lượng Ag 99,86%.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 21 ngày 11/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đ kết luận: 01 chiếc kết sắt nhãn hiệu Việt Tiệp đã qua sử dụng có giá trị là 250.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 22 ngày 14/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đ kết luận: 05 đồng xu hình tròn có đường kính 3,7cm tổng giá trị là 590.000 đồng; 02 đồng xu hình tròn có đường kính 2,7cm có tổng giá trị 4.000 đồng; 01 sợi dây đeo tay 4,25 chỉ vàng có giá trị 22.100.000 đồng; 02 vòng tay trong đó 01 vòng có chứa 13,2 gam bạc và 01 vòng chứa 16,31 gam bạc có tổng giá trị 555.000 đồng; 01 vòng tay có khối lượng 4,68 gam bạc có giá 85.000 đồng; 01 chiếc trâm cài đầu có giá trị 5.200.000 đồng; 01 bộ xà tích có giá trị 5.635.000 đồng; 01 mặt dây chuyền đá thạch anh bọc bạc có giá 200.000 đồng. Tổng cộng 08 khoản là: **34.369.000** đồng.

Tổng giá trị tài sản Thành đã chiếm đoạt là: 60.983.000 (Sáu mươi triệu chín trăm tám mươi ba nghìn đồng) nhằm mục đích để tiêu dùng cá nhân.

Tại bản cáo trạng số 194/CT-VKS- HĐB ngày 02/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố bị cáo Quảng Văn T về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo điểm c khoản 2 Điều 173/BLHS. Trong phần tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về "*Tội trộm cắp tài sản*"; Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173/BLHS; điểm s khoản 1 Điều 51; Xử phạt bị cáo Quảng Văn T từ 30 đến 36 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; Áp dụng khoản 2 Điều 136/BLTTHS và Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án bị cáo phải chịu phí HSST.

Bị cáo Quảng Văn T hoàn toàn nhất trí với quan điểm truy tố của VKSND huyện Đ không có ý kiến gì tranh luận, lời nói sau cùng của bị cáo: Ngoài xin giảm nhẹ hình phạt không có ý kiến gì khác.

Người bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt các tài sản do bị cáo trộm cắp đã nhận đủ. Tại phiên tòa không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm còn về hình phạt đề nghị xét xử bị cáo đúng pháp luật;

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về hành vi và các Quyết định của cơ quan người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, Điều tra viên, kiểm sát viên. Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục đảm bảo theo qui định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại gì do đó các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng là hợp pháp được chấp nhận.

[2]. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Quảng Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cũng như bản cáo trạng của VKS đã truy tố đối với bị cáo.

[3]. Xét hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng: Nhằm thỏa mãn nhu cầu tiêu sài cá nhân và có tiền mua ma túy sử dụng, bản thân lười lao động không có nghề nghiệp thu nhập ổn định nên bị cáo Thành đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản lợi dụng lúc chủ quản lý tài sản đi làm mất cảnh giác không ai trông coi tài sản, T đã quan sát kỹ khu nhà anh Lò Văn Đ không có ai ở nhà nên lén lút, bí mật trèo tường vào đi qua gầm sàn lên nhà bằng cầu thang phía gian bếp phá cửa vào phòng ngủ dùng thanh xà cày phá kết sắt chiếm đoạt số tiền 26.614.000đ và các tài sản khác theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản đã xác định giá trị: 05 đồng xu hình tròn có đường kính 3,7cm tổng giá trị là 590.000 đồng; 02 đồng xu hình tròn có đường kính 2,7cm có tổng giá trị 4.000 đồng; 01 sợi dây đeo tay 4,25 chỉ vàng có giá trị 22.100.000 đồng; 02 vòng tay trong đó 01 vòng có chứa 13,2 gam bạc và 01 vòng chứa 16,31 gam bạc có tổng giá trị 555.000 đồng; 01 vòng tay có khối lượng 4,68 gam bạc có giá 85.000 đồng; 01 chiếc trâm cài đầu có giá trị 5.200.000 đồng; 01 bộ xà tích có giá trị 5.635.000 đồng; 01 mặt dây chuyền đá thạch anh bọc bạc có giá 200.000 đồng. Tổng cộng 08 khoản là: **34.369.000** đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo đã hoàn thành và được thực hiện bằng lỗi cố ý trực tiếp. **Tổng giá trị tài sản Thành đã chiếm đoạt là: 60.983.000 (Sáu mươi triệu chín trăm tám mươi ba nghìn).** Hành vi ấy đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173/BLHS có khung hình phạt từ 2 đến 7 năm tù.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực để chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội của mình.

[4]. Xét tính chất mức độ hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo cho thấy: Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây thiệt hại về tài sản cho chủ sở hữu tài sản, làm ảnh hưởng đến nền trật tự trị an, an toàn trong xã hội trên địa bàn xã T nói riêng và huyện Đ nói chung, cho nên hành vi của bị cáo cần được xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

[5]. Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo cho thấy: Bị cáo xuất thân từ gia đình nông dân thuần túy bản thân học đến lớp 4 thì bỏ học năm 2010 kết hôn với Quảng Thị L đến năm 2017 bị cáo sử dụng ma túy và ly hôn. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: " Thành khẩn khai báo" nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51/BLHS. Ngày 16/7/2021 bị công an huyện Đ ra quyết định số 46/QĐ-XPHC xử phạt 2.000.000đ về hành vi hủy hoại tài sản là chiếc kết sắt trong vụ án này đến nay chưa thi hành.

HĐXX xét thấy bị cáo là đối tượng nghiện chất ma túy cần phải áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo có thời gian cai nghiện ma túy, tiếp tục cải sửa lỗi lầm trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[6]. Theo quy định tại khoản 5 Điều 173/BLHS thì bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền; Song xét thấy điều kiện kinh tế rất khó khăn sau khi ly hôn quay về sinh sống cùng bố mẹ để lại là đối tượng nghiện ma túy không có khả năng thi hành, vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo trộm cắp của người bị hại gồm tiền mặt, vàng bạc, đá quý bị cáo chưa kịp đem đi tiêu thụ cơ quan điều tra đã thu hồi và trả lại cho chủ sở hữu theo các quyết định xử lý vật chứng ngày 23/4/2021; số 22 ngày 06/5/2021 và số 29 ngày 06/7/2021 bị hại đã nhận đủ.

Đối với khoản tiền 1.000.000đ yêu cầu bồi thường đối với chiếc kết sắt bị phá hủy gia đình bị cáo đã bồi thường nên tại phiên tòa hôm nay bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại gì thêm HĐXX chấp nhận.

Đối với khoản tiền 8.782.000đ thu giữ trong quá trình khám xét là tiền của bố mẹ bị cáo nhờ T cất hộ không liên quan đến việc phạm tội. 01 xe mô tô hai bánh BKS 27B1-394.47 nhãn hiệu Honda Wave RSX là xe thuộc quyền sở hữu của chị Quảng Thị D là chị gái của bị cáo cho bị cáo mượn đi làm chị D không biết bị cáo sử dụng xe vào việc trộm cắp tài sản. Vì vậy, Cơ quan CSĐT đã trả lại cho chủ sở hữu theo Quyết định xử lý vật chứng số 26 ngày 08/6/2021 của Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ; HĐXX chấp nhận.

[8].**Vật chứng:** Căn cứ khoản 2 Điều 47; Khoản 1 Điều 48 /BLHS và khoản 3 Điều 106/ BLTTHS:

- Chấp nhận các biên bản trao trả tài sản cho người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Lò Văn Đ, Lò Thị T; Quảng Văn M; Quảng Thị D, của Công an huyện Đ.

- Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47/BLHS; điểm a, c khoản 2 Điều 106/BLTTHS.

Tịch thu để tiêu hủy: 01 thanh xà cây bằng kim loại màu đen dài 68 cm; 01 chiếc áo sơ mi dài tay màu xanh dương họa tiết chấm bi trắng; 01 áo thun có cổ màu

đen; 01 quần vải màu xanh dương; 01 mũ bảo hiểm màu đen; 02 găng tay bằng vải màu đen; 01 khẩu trang bằng vải màu đen; 02 chiếc giày vải màu đen; 01 chiếc mũ len màu nâu sọc xanh đen; 02 cành cây; các vật chứng này là công cụ Quàng Văn T đã sử dụng vào việc Trộm cắp tài sản. (Vật chứng của vụ án đã được cơ quan Điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Điện Biên chuyển giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Điện Biên theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/8/2021).

[9]. **Về án phí:** Căn cứ Khoản 2 Điều 136/BLTTHS năm 2015 và Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí lệ phí Tòa án bị cáo Quàng Văn T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm c khoản 2 Điều 173/BLHS; điểm s khoản 1 Điều 51/BLHS năm 2015;

1. Tuyên bố: Bị cáo Quàng Văn T phạm tội: **“Trộm cắp tài sản”**.

- Xử phạt bị cáo Quàng Văn T 36 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ (17/4/2021).

2. Vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 47; Khoản 1 Điều 48 /BLHS và khoản 3 Điều 106/ BLTTHS:

- Chấp nhận các biên bản trao trả tài sản cho bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Lò Văn Đ, Lò Thị T, Quàng Văn M, Quàng Thị D, của Công an huyện Đ theo Quyết định xử lý vật chứng số 22 ngày 06/5/2021; số 29 ngày 06/7/2021; số 26 ngày 08/6/2021.

Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47/BLHS; điểm a, c khoản 2 Điều 106/BLTTHS.

- Tịch thu để tiêu hủy: 01 thanh xà cày bằng kim loại màu đen dài 68 cm; 01 chiếc áo sơ mi dài tay màu xanh dương họa tiết chấm bi trắng; 01 áo thun có cổ màu đen; 01 quần vải màu xanh dương; 01 mũ bảo hiểm màu đen; 02 găng tay bằng vải màu đen; 01 khẩu trang bằng vải màu đen; 02 chiếc giày vải màu đen; 01 chiếc mũ len màu nâu sọc xanh đen; 02 cành cây; các vật chứng này là công cụ Quàng Văn T đã sử dụng vào việc Trộm cắp tài sản. (Vật chứng của vụ án đã được cơ quan Điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Điện Biên chuyển giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Điện Biên theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/8/2021).

3. Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136/BLTTHS năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án bị cáo Quàng Văn T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại Tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại Lò Văn Đại, Lò Thị T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính, hoặc bản án được niêm yết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Quàng Văn M, chị Quàng Thị D có mặt tại tòa có quyền kháng phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Bộ phận HNV CAH Điện Biên;
- Sở TP tỉnh Điện Biên;
- CCTHADS huyện Đ;
- Người bị hại;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi liên quan;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bạc Thị Liên

